

Bản án số: 19 /2020/HS-ST
Ngày 16 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 364/2019/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2019/HSST-QĐ ngày 11/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2019/QĐ-ST ngày 23/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2019/QĐ-ST ngày 20/12/2019 đối với bị cáo:

Trần Quốc H, sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 11/4 khu phố Đông A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1965 và con bà Phan Thị Thanh L, sinh năm 1964; có vợ tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không có.

Nhân thân: Ngày 14/6/2019, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 176. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù 02 năm kể từ ngày 11/3/2019, theo quyết định thi hành án số 176/2019/QĐ-CA ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tại trại giam An Phước, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994; thường trú: 156/6 khu phố Đông A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985; thường trú: 13/14 khu phố Tây B, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.
3. Anh Đinh Nguyễn Hồng T6, sinh năm 1992; thường trú: 1/13 khu phố Tân Quý, phường H thị xã K, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Anh Dương Tấn K, sinh năm 1994; thường trú: 389/10 khu phố Châu Thới, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1972; thường trú: 62 đường Đông Minh, khu phố A, phường H thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Huỳnh Bảo T2, sinh năm 1989; thường trú: 83A khu phố T2, phường A, thị xã K tỉnh Bình Dương, vắng mặt

7. Anh Lê Văn L, sinh năm 1983; thường trú: 141/4 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

8. Chị Lê Thị Thường T3, sinh năm 1998; thường trú: 3/20A khu phố N1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

9. Anh Lê Phú S, sinh năm 1993; thường trú: 47/4 khu phố A phường H thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

10. Chị Trương Thị Minh T4, sinh năm 1975; thường trú: 36B/6 khu phố H1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

11. Anh Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1991; thường trú: 13/5 khu phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Quốc H kinh doanh dịch vụ cầm đồ Quốc Huy tại địa chỉ 11/4 khu phố Đông A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Trong khi kinh doanh, H cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 10 % đến 15%/ tháng/ 1.000.000 đồng. Vào ngày 11/3/2019, bị cáo H cùng với Nguyễn Thanh T5 đến nhà anh Nguyễn Thanh T, địa chỉ 156/6 khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương thu tiền lãi, giữa H và anh T mâu thuẫn cãi nhau. Anh T trình báo Công an thị xã Dĩ An đến giải quyết, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H thu giữ giấy vay tiền. Quá trình lấy lời khai, H khai nhận việc cho vay như sau:

1. Từ tháng 1/2018 đến tháng 3/2018, H cho anh T vay 169.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 12 %/tháng, đóng tiền lãi 01 tháng 3 lần (10 ngày đóng lãi 01 lần), anh T đóng lãi 3 tháng cho H với số tiền 60.840.000 đồng.

+ Tháng 4/2018, anh T trả cho H 20.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ 149.000.000 đồng, anh T đóng tiền lãi 01 tháng 17.880.000 đồng.

+ Tháng 5/2018, anh T trả cho H số tiền gốc 20.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 129.000.000, anh T đóng tiền lãi 01 tháng 15.480.000 đồng.

+ Tháng 6/2018, anh T trả cho H số tiền gốc 20.000.000 đồng, nợ lại tiền gốc 109.000.000 đồng, anh T đóng tiền lãi 01 tháng 13.080.000 đồng.

+ Từ tháng 7/2018 đến hết tháng 02/2019, anh T nợ H 109.000.000 đồng tiền gốc, H tính lãi suất 10%/tháng. Anh T đã đóng được 08 tháng tiền lãi cho H với số tiền 87.200.000 đồng.

Từ tháng 12/2018, giữa anh T và H phát sinh mâu thuẫn nên H không trực tiếp thu lãi của anh T mà nhờ Nguyễn Thanh T đứng ra làm giấy vay tiền với anh T

rồi trực tiếp thu tiền lãi. 10 ngày T đến thu tiền lãi của anh T số tiền 3.630.000 đồng. Tổng cộng T thu tiền lãi được 07 lần với số tiền 25.410.000 đồng, H trả công cho T số tiền 600.000 đồng.

Tổng số 169.000.000 đồng T vay H, T trả H 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 194.480.000 đồng (lãi suất tương ứng 20%/ năm theo quy định pháp luật 29.492.200 đồng, tiền lãi H vượt quá lãi suất quy định 164.987.800 đồng) tiền gốc T còn nợ H 109.000.000 đồng.

2. H cho anh Nguyễn Thanh P vay 130.000.000 đồng, thỏa thuận như sau:

+ Ngày 15/9/2018, anh P vay H 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 14%/tháng, 10 ngày đóng lãi 01 lần. Đến hết tháng 10/2018, anh P đóng tiền lãi cho H 04 lần với số tiền 5.600.000 đồng.

+ Ngày 03/11/2018, anh P vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, H trừ 1.400.000 đồng tiền lãi của kỳ trước. Tổng số tiền gốc anh P nợ H 50.000.000 đồng, H tính lãi suất 12%/tháng 10 ngày đóng lãi 01 lần, anh P đóng được 03 lần tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng.

+ Ngày 15/12/2018, anh P vay thêm H số tiền 50.000.000 đồng, H trừ 2.000.000 đồng tiền lãi của kỳ trước. Tổng số tiền gốc anh P nợ H 100.000.000 đồng, H tính lãi suất 12%/tháng, 10 ngày đóng lãi 01 lần. Anh P đã đóng được 07 tháng tiền lãi với số tiền 28.000.000 đồng.

+ Ngày 25/02/2019, anh P vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc anh P nợ H 130.000.000 đồng, H tính lãi suất 12%/tháng, 10 ngày đóng lãi 01 lần. Anh P đóng cho H 01 lần tiền lãi 5.000.000 đồng.

Trong số tiền 130.000.000 đồng, anh P trả tiền lãi cho H 48.000.000 đồng (lãi suất tương ứng 20%/ năm theo quy định pháp luật 6.568.800 đồng, tiền lãi H thu lợi vượt quá lãi suất quy định 41.431.200 đồng), nợ gốc 130.000.000 đồng anh P chưa trả H.

3. Bị cáo H cho anh Đinh Nguyễn Hồng T6 vay số tiền 30.000.000 đồng:

+ Ngày 08/01/2018, H cho anh T6 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng. Anh T6 trả H tiền lãi 02 lần được 1.500.000 đồng.

+ Ngày 03/3/2018, H cho anh T6 vay 10.000.000 đồng, tổng số tiền gốc anh T6 vay H 15.000.000 đồng. Anh T6 đóng tiền lãi 02 tháng với số tiền 4.500.000 đồng.

+ Ngày 23/3/2018, anh T6 vay H số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 750.000 đồng/tháng. Anh T6 đóng được 01 lần tiền lãi 750.000 đồng và trả hết 5.000.000 đồng tiền gốc cho H.

+ Ngày 17/7/2018, anh T6 vay thêm H 10.000.000 đồng, T6 vay chưa được 01 tháng trả tiền gốc 10.000.000 đồng cho H, H tính tiền lãi 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền H cho vay 30.000.000 đồng. Anh T6 trả cho H hết nợ gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi trả H 7.750.000 đồng (lãi suất tương ứng 20%/ năm theo

quy định pháp luật 918.500 đồng, tiền lãi H thu lợi vượt quá lãi suất quy định 6.831.500 đồng).

4. Bị cáo H cho anh Dương Tấn K vay 35.000.000 đồng :

+ Ngày 29/6/2018, anh K vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Anh K đã đóng được 08 tháng tiền lãi với số tiền 8.000.000 đồng.

+ Ngày 18/7/2018, anh K vay thêm H 10.000.000 đồng, anh K trả được 07 tháng tiền lãi với số tiền 7.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh K trả tiền lãi cho H 15.000.000 đồng (lãi suất tương ứng 20%/ năm theo quy định pháp luật 2.505.200 đồng, tiền lãi H thu lợi vượt quá lãi suất quy định 12.495.000 đồng), tiền gốc 35.000.000 đồng anh K đã trả xong cho H.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của H thu giữ vật chứng:

+ Số tiền 108.000.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu đồng) tiền của H.

+ “Giấy vay tiền” mang tên Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh P, Đinh Nguyễn Hồng T6 (kèm theo sổ hộ khẩu và giấy Chứng minh nhân dân bản sao), Dương Tấn K (kèm theo sổ hộ khẩu photo), Nguyễn Huỳnh Bảo T2 (kèm theo sổ hộ khẩu bản chính và Giấy cam kết), Lê Thị Thường T3 (kèm theo sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân photo), Trương Thị Minh T4 (kèm theo sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân photo), Phạm Thị Hồng D (kèm theo giấy chứng minh nhân dân photo), Nguyễn Đình T1, Lê Phú S, Bùi Thị Ngọc G (kèm theo sổ hộ khẩu bản chính).

+ 01 khẩu súng dài khoảng 1,1 m, nòng súng bằng kim loại, bên trên có ký hiệu “Slavia 631 MODEL 77”, 01 quả hình tròn bằng kim loại màu vàng có kiểu dáng quả lựu đạn trên có ký hiệu “LD-01-TẬP-X55-12”, đường kính khoảng 05cm, chiều cao khoảng 10 cm và 20 viên đạn hình tròn bằng kim loại.

Tại Kết luận giám định số 2093/C09B của Phân viện Khoa học kỹ thuật Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/4/2019 kết luận: 01 vật giống quả lựu đạn màu cam kích thước 9 cm x 5,5 cm, trên vỏ ghi dòng chữ “LD-01-TẬP-X55-12” được niêm phong trong bì giấy bằng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và chữ ký Huỳnh Phi H, Võ Văn S, Trần Quốc H là lựu đạn tập do Việt Nam sản xuất. Lựu đạn này thường sử dụng trong huấn luyện quân sự; quả lựu đạn này không có thuốc nổ và không thuộc nhóm vũ khí quân dụng.”

Tại Kết luận giám định số 2093/C09B của Phân viện Khoa học kỹ thuật Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/4/2019 kết luận:

“Khẩu súng dài gửi giám định là súng săn Slavia 631 được sản xuất công nghiệp Model 77, số...0786...(...ký hiệu mờ không đọc được), cỡ nòng 4,5 mm; sử dụng để bắn với đạn mũi dù cỡ 4,5 mm. Hiện tại súng còn đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn ra khỏi nòng súng. Khẩu súng nêu trên không phải là vũ khí quân dụng.

- 20 (hai mươi) viên kim loại màu xám đen gửi giám định là đạn mũi dù cỡ 4,5 mm. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng hơi cỡ nòng 4,5 mm và khẩu súng gửi giám định.

- Sử dụng khẩu súng săn gửi giám định bắn với đạn mũi dù cỡ 4,5 mm vào cơ thể người có thể gây sát thương.

Vật chứng đã xử lý:

+ Trả 01 sổ hộ khẩu mang tên Lê Văn L của chị Nguyễn Huỳnh Bảo T2, 01 sổ hộ khẩu mang tên Bùi Văn T của chị Bùi Thị Ngọc G.

+ Giao 01 khẩu súng dài khoảng 1,1 m, nòng súng bằng kim loại, bên trên có ký hiệu “Slavia 631 MODEL 77”, 01 quả hình tròn bằng kim loại màu vàng có kiểu dáng quả lựu đạn trên có ký hiệu “LĐ-01-TẬP-X55-12”, đường kính khoảng 05 cm, chiều cao khoảng 10 cm và 20 viên đạn hình tròn bằng kim loại cho Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thị xã Dĩ An để xử lý theo quy định.

Tổng số tiền bị cáo H cho anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Thanh P, anh Đinh Nguyễn Hồng T, anh Dương Tấn K vay 364.000.000 đồng tiền gốc, H thu tiền lãi 265.228.700 đồng (trong đó lãi suất xác định theo quy định pháp luật 20%/năm là 39.484.500 đồng, lãi suất vượt quá 20%/năm xác định H thu lợi bất chính 225.744.700 đồng).

Cáo trạng số 377/CT-VKS ngày 11/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Quốc H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

+ Buộc anh Nguyễn Thanh T giao nộp lại số tiền gốc còn nợ bị cáo H 109.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước (anh T đã đóng cho H 164.987.000 đồng tiền lãi vượt quá lãi suất nhà nước quy định, vì vậy khấu trừ khoản tiền 109.000.000 đồng anh T phải nộp lại để buộc H nộp lại sung ngân sách nhà nước, khoản chênh lệch 55.987.000 đồng tuyên trả lại anh T.

+ Buộc anh Nguyễn Thanh P nộp số tiền đã vay của bị cáo H 130.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước (anh P đã đóng cho H 41.431.200 đồng tiền lãi vượt quá lãi suất nhà nước quy định), vì vậy khấu trừ khoản 130.000.000 đồng, buộc anh P nộp lại số tiền 88.658.800 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Anh Đinh Nguyễn Hồng T6 vay bị cáo H 30.000.000 đồng, anh T6 trả hết cho H nợ gốc. Buộc H nộp lại số tiền 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Đề nghị trả lại cho anh T6 số tiền 6.831.500 đồng H đã thu lợi.

+ Anh Dương Tấn K vay bị cáo H số tiền 35.000.000 đồng, anh K đã trả hết tiền đã vay cho H. Bị cáo H nộp lại số tiền 35.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Đề nghị trả lại anh K số tiền 12.495.000 đồng bị cáo H đã thu lợi.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo H đã thu được từ những người vay 39.484.500 đồng. Đề nghị H giao nộp để sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền H thu lợi bất chính 225.745.500 đồng, đề nghị H giao nộp để trả lại cho những người vay tiền. Số tiền vay 60.000.000 đồng anh T đã trả cho H, số tiền vay 30.000.000 đồng anh T đã trả cho H, số tiền vay 20.000.000 đồng anh K đã trả cho H là phương tiện phạm tội yêu cầu H nộp lại để sung ngân sách nhà nước. H phải nộp số tiền 375.230.000 đồng, khấu trừ số tiền đã thu 108.000.000 đồng, H phải nộp số tiền là 267.230.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo H không tranh luận, không bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo H nói lời sau cùng: Do không am hiểu quy định pháp luật dẫn đến bị cáo phạm tội. Bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Biên bản hỏi cung, trình bày tại phiên tòa của bị cáo Trần Quốc H, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện. Từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2018, bị cáo H đã cho anh Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh P, Đinh Nguyễn Hồng T6, Dương Tấn K vay số tiền tổng cộng 349.000.000 đồng với lãi xuất hàng tháng từ 10% đến 15%/, tổng cộng H thu tiền lãi với số tiền 265.230.000 đồng, trong khi mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm, như vậy H cho anh T, P, T, K vay mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, để hưởng lợi 225.745.500 đồng. Hành vi trên của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 377/CT – VKS ngày 11/10/2019 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết giảm nhẹ trên được quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt thể hiện việc trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo H thực hiện là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện phạm tội một cách cố ý nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng nhất là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất quá cao, việc làm của bị cáo còn gây ảnh hưởng về chính trị, kinh tế, nhất là trong tình hình hiện nay hành vi cho vay lãi nặng diễn ra nhiều, có diễn biến phức tạp. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo H mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm bị cáo thực hiện để sau này không vi phạm nữa cũng như trong việc phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo H cho anh T, P, T6, K vay 364.000.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định pháp luật dân sự 20%/ năm 39.484.700 đồng trên số tiền H cho vay, tổng 403.484.700 đồng, khoản tiền trên bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội, do phạm tội mà có. Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản nợ gốc 109.000.000 đồng anh T chưa trả bị cáo H. Do vậy, buộc anh T nộp lại sung vào ngân sách nhà nước

Khoản nợ gốc 130.000.000 đồng, anh P chưa trả bị cáo H. Do vậy, buộc anh P nộp lại sung vào ngân sách nhà nước

Như vậy, bị cáo H phải nộp 164.484.700 đồng sung vào ngân sách nhà nước, quá trình điều tra thu giữ 108.000.000 đồng từ bị cáo H, do vậy khấu trừ khoản tiền trên, buộc H nộp lại 56.484.700 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi H thu vượt quá lãi suất ngân hàng nhà nước quy định (trên 20%/năm) của anh T, anh P, anh T6, anh K 225.745.500 cần tuyên trả cho anh T, P, T6 và K. Cụ thể bị cáo H phải trả cho anh T 164.987.800 đồng, trả cho anh P 41.431.200, trả anh T6 6.831.500 đồng, trả anh K 12.495.000 đồng.

Đối với số tiền 600.000 đồng bị cáo H cho Nguyễn Thanh T5, khoản tiền trên liên quan đến việc H cho vay lãi nặng. Do vậy buộc T5 nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Đối với hành vi của Nguyễn Thanh T5 đứng ra làm giấy vay nợ với Nguyễn Thanh T, T5 đã thu của T số tiền 25.410.000 đồng, thực chất đây là giao dịch giữa H và T. Tuy nhiên khoản thu trên chưa đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với T5, Công an thị xã Dĩ An không xem xét xử lý hình sự đối với T5 là phù hợp.

Đối với hành vi bị cáo H cho chị Lê Thị Thường T3 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 2%/ 1 tháng, cho chị Trương Thị Minh T4 vay 55.000.000 đồng lãi suất 8%/1 tháng, cho chị Phạm Thị Hồng D vay 202.000.000 đồng với lãi suất 3%/ 1 tháng, cho anh Nguyễn Đình T1 vay 150.000.000 đồng không tính lãi, cho anh Lê Văn L và chị Nguyễn Huỳnh Bảo T2 vay 220.000.000 đồng lãi suất 0,1%/ 1 tháng, cho anh Lê Phú S vay 330.000.000 đồng không tính lãi, cho chị Bùi Thị Ngọc G vay 3.000.000 đồng với lãi suất 2%/ tháng. Hành vi trên không vi phạm pháp luật hình sự. Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương không xem xét xử lý là phù hợp pháp luật.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, biện pháp tư pháp, mức hình phạt đối với bị cáo H, tổng hợp hình phạt với bản án số 176 ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Đối với cách tính toán buộc bị cáo H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong việc trả lại tiền, nộp tiền sung vào ngân sách nhà nước, không buộc Nguyễn Thanh T5 nộp số tiền 600.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước không phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy không được xem xét.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo H phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 10 (mười) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại bản án số 176/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2019.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo Trần Quốc H nộp lại 56.484.700 đồng (năm mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 108.000.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu đồng) tại biên bản giao nhận vật chứng, biên lai thu tiền số 01301 ngày 16/10/2019.

- Buộc bị cáo Trần Quốc H trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 164.987.800 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm đồng)

- Buộc bị cáo Trần Quốc H trả cho anh Nguyễn Thanh P số tiền 41.431.200 đồng (bốn mươi một triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng).

- Buộc bị cáo Trần Quốc H trả cho anh Đinh Nguyễn Hồng T số tiền 6.831.500 đồng (sáu triệu tám trăm ba mươi một nghìn, năm trăm đồng).

- Buộc bị cáo Trần Quốc H trả cho anh Dương Tấn K số tiền 12.495.000 đồng (mười hai triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

- Buộc anh Nguyễn Thanh T nộp lại số tiền 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Thanh P nộp lại 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Thanh T5 nộp lại 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Trần Quốc H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 11.287.000 đồng (mười một triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; người cqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh